

Bản án số: **23/2019/HSST**

Ngày 14/3/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Công Quyền.

Ông Nguyễn Văn Thuyết.

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương –

Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/HSST ngày 08/01/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 22/02/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T** – sinh ngày 16/01/1962 tại Thanh Hóa. Nơi ĐKKTTT và chỗ ở hiện nay: Thôn..., xã H.H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch UBND xã H.H, huyện Hoằng Hóa; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đã đình chỉ sinh hoạt đảng); Tiền án, tiền sự: chưa; Con ông Nguyễn Hữu D và bà Lê Thị Ch (đã chết); Vợ: Lê Thị Nh; Có 02 con, sinh năm 1989 và năm 1992; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con đầu; Nhân thân: Năm 1985 nhập ngũ vào quân đội, năm 1988 xuất ngũ về lao động sản xuất tại địa phương. Năm 1995 làm Bí thư đoàn xã H.H. Từ năm 1999 đến năm 2004 làm Phó bí thư đảng ủy xã H.H. Từ năm 2004 đến tháng 3/2014 làm Chủ tịch UBND xã H.H, sau đó nghỉ chế độ tại địa phương. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/6/2018 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Thị Th** – sinh ngày 10/4/1978 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKKTTT và nơi ở hiện nay: Thôn..., xã H.H, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: kế toán ngân sách xã H.T (nguyên kế toán ngân sách xã H.H); Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đã đình chỉ sinh hoạt đảng); Tiền án, tiền sự: Chưa; Con ông Phạm Ngọc H và bà Lê Thị Đ; CH3: Lê Văn B; Có 02 con sinh năm 2002 và năm 2008; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ 2; Nhân thân: Từ năm 1998 đến năm 2001 học tại trường Trung cấp tài chính kế toán I ở

tỉnh Hưng Yên sau đó về lao động tại Thôn..., xã H.H. Từ năm 2004 đến 30/6/2013 làm kế toán ngân sách xã H.H. Từ tháng 7/2013 đến tháng 3/2018 làm kế toán ngân sách xã H.T. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**\* Người đại diện cho bị cáo Phạm Thị Th:**

1. Ông Phạm Ngọc H – SN 1948. Bố đẻ, có mặt.

Địa chỉ: Thôn...1, xã H.H, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Phạm Ngọc H – SN 1974. Anh trai, có mặt.

Địa chỉ: Tổ..., phường B.S, thành phố T.Đ, tỉnh Ninh Bình.

**\* Người bào cho các bị cáo:**

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Hữu T:*

Luật sư Nguyễn Thanh H. Có mặt.

Luật sư Lê Quốc H. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Luật sư Nguyễn Xuân D. Có mặt.

Đầu thuộc Văn phòng Luật sư L.Q.H, Đoàn LS tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án cho bị cáo Phạm Thị Th.*

Luật sư Vũ Quốc T. Có mặt.

Văn phòng Luật sư T.P, Đoàn LS tỉnh Thanh Hóa.

**\* Người Bị hại:**

1. Ông H Hữu S (con ông H Hữu T) - SN 1961. *Vắng mặt.*

2. Ông Lê Văn H1 - SN 1967. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn..., xã H.H, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Lê Thị Th – SN 1979. *Có mặt.*

4. Ông Lê H3 Thanh (vợ là Lương Thị Nh) – SN 1942. *Có mặt.*

5. Ông H Hữu K – SN 1978. *Có mặt.*

6. Ông Nguyễn Văn S – SN 1957. *Có mặt.*

7. Bà Lê Thị Ph (có c Hng là ông Lê Phạm H2) – SN 1980. *Có mặt.*

8. Ông Lê Văn KẾ - SN 1951. *Có mặt.*

9. Bà Lê Thị D – SN... *Vắng mặt.*

10. Bà Phạm Thị L – SN 1939. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn..., xã H.H, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

11. Bà Nguyễn Thị C - SN 1952. *Có mặt.*

12. Bà Nguyễn Thị Th – SN 1947. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn..., xã H.H, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

13. Ông Lê Văn Ch - SN 1983. *Vắng mặt.*

Nơi ĐKKHKT: Thôn..., xã H.H, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

Địa chỉ: Khu phố T.H, phường T.B, thị xã Dĩ An, tỉnh B. Dương.

14. Bà Lê Thị Kh (c Hng là Phạm Mạnh C) – SN 1975. *Có mặt.*

15. Ông Lê Văn V – SN 1958. *Vắng mặt.*

16. Bà Bùi Thị T – SN 1952. *Có mặt.*

17. Ông Lê Văn D (có vợ là Vũ Thị Q) – SN 1975. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn..., xã H.H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Đức H3 – SN 1979. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn..., xã H.H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**\* Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Hữu D. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn..., xã H.H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Vũ Bá B. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn..., xã H.H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Trương Thị H3. *Có mặt.*

Địa chỉ: Số..., đường T.H.Đ, khu phố T.T, phường Q.T, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Lê Duy Tr. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn D.K, xã H.Đ, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, sau khi xây dựng chợ H4 và san lấp kênh mương T.P, thấy dư thừa một số diện tích đất ở phía Đông chợ, Nguyễn Hữu T, Chủ tịch UBND xã H.H báo cáo miệng với ông Lê Duy B, Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã và được ông B đồng ý để UBND xã làm tờ trình đến UBND huyện quy hoạch đất ở.

Ngày 22/6/2010, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa đã phê duyệt quy hoạch đất ở tại mặt bằng số 19/MBQH- UBND. Ngày 05/11/2010, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa ra Quyết định số 3204/ QĐ- UBND về việc phê duyệt dự toán chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Quy hoạch khu dân cư nông thôn xã H.H năm 2010 với tổng diện tích thu Hi là 5.719,1m<sup>2</sup>, bị ảnh hưởng thu Hi bồi thường về đất, cây trồng, vật nuôi của 14 hộ dân và hỗ trợ khi thu Hi đất công ích của UBND xã H.H với tổng số tiền là: 2.015.832.767đ. Ngày 08/11/2010, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa ra Quyết định số 3277/QĐ-UBND về việc giao đất cho UBND xã H.H để thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã năm 2010 tại MBQH số 19 với 42 lô với tổng diện tích 5.719,1m<sup>2</sup>.

Ngày 26/11/2010, UBND xã H.H có tờ trình số 37/TTr- UBND trình UBND huyện Hoằng Hóa về việc xây dựng đơn giá khởi điểm để tiến hành đấu giá đất ở tại xã H.H. Ngày 30/11/2010, UBND huyện Hoằng Hóa Bn hành Quyết định số 3743/QĐ- UBND về việc phê duyệt giá sàn thu tiền sử dụng đất

xã H.H. Tuy nhiên, do có đơn kiến nghị của 1 số hộ dân đến UBND tỉnh Thanh Hóa về việc GPMB nên UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND huyện Hoằng Hóa đã tạm dừng việc đấu giá để giải quyết đơn thư. Do không giải pH4g được hết MBQH số 19, nên UBND xã H.H đã làm tờ trình số 39/TTr- UBND ngày 02/11/2011 gửi UBND huyện Hoằng Hóa về việc đề nghị xét giao đất ở xã H.H cho 24/42 lô.

Ngày 29/11/2011, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa đã ra Quyết định số 3590/QĐ- UBND về việc phê duyệt giá sàn thu tiền sử dụng đất tại xã H.H với tổng số tiền phải thu của 24 lô = 1.605.590.000đ.

Ngày 16/01/2012, UBND xã H.H có Tờ trình số 02/TTr-UBND do Nguyễn Hữu T, Chủ tịch xã ký đề nghị UBND huyện Hoằng Hóa công nhận kết quả xét giao đất ở đối với 24 hộ chính sách và hộ nghèo. Ngày 06/4/2012, UBND huyện Hoằng Hóa Bn hành Quyết định số 472/QĐ- UBND công nhận kết quả xét giao đất sử dụng vào mục đích đất ở nông thôn xã H.H với 24 lô đất ở dân cư thuộc MBQH số 19 cho 24 hộ nghèo và chính sách như đề nghị của UBND xã H.H.

Tháng 4/2012, Nguyễn Hữu T, Chủ tịch UBND xã H.H triển khai việc thu tiền sử dụng đất của các hộ dân nhưng không thông báo công khai đơn giá mà T trao đổi và thống nhất với Trương Thị H3, cán bộ địa chính, Phạm Thị Th, kế toán NSX thu tăng của các hộ T 100.000đ đến 300.000đ/1m2 so với đơn giá đã quy định tại Quyết định số 3590/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND huyện Hoằng Hóa nhằm mục đích tăng thu cho ngân sách xã để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa phương. Việc thu tăng tiền sử dụng đất của các hộ dân không được T báo cáo với HĐND xã H.H.

Thực hiện sự chỉ đạo của T, Trương Thị H3 lập danh sách các hộ phải thu tiền đất chuyển cho Phạm Thị Th, ngày 16/4/2012 H3 được điều chuyển công tác về UBND xã Q.T, thị xã Sầm Sơn, việc thu tiền sử dụng đất của các hộ dân do Th thực hiện T ngày 17/4/2012 đến tháng 11/2012. Nguyễn Đức H3, thủ quỹ thực hiện thu và chi theo sự điều hành trực tiếp của Phạm Thị Th. kết quả điều tra xác định: Trong số 24 hộ dân được xét giao đất có thu tiền theo Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của UBND huyện Hoằng Hóa có 09 hộ nghèo mua 09 lô, có 11 hộ không thuộc diện chính sách nhờ 15 hộ nghèo đứng tên để được mua 15 lô đất (có 04 hộ mua mỗi hộ 02 lô). Do đó, thực tế có 20 hộ mua 24 lô đất nhưng trên danh sách vẫn thể hiện là 24 hộ.

Tổng số tiền sử dụng đất đã thu của 20 hộ là **1.908.530.000đ**, số đã nộp vào ngân sách tại Kho bạc là **1.613.416.950đ** (Bỏ gồm tiền sử dụng đất = 1.605.390.000đ, lệ phí trước bạ = 8.026.000đ); Số tiền chênh lệch tăng thêm **295.113.050đ** được xác định của 17/20 hộ (vì có 03 hộ thu nộp theo đơn giá quy định) T chỉ đạo Th bỏ ngoài sổ sách, không đưa vào quyết toán năm 2012 và không báo cáo, quyết toán trước HĐND xã H.H mà cho Công ty TNHH A.T vay 260.000.000đ, chi phí giao dịch xây dựng QHMB 35.113.050đ. Đến tháng 7/2013, Phạm Thị Th chuyển công tác đến UBND xã H.T, tháng 3/2014 Nguyễn

Hữu T thôi giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã H.H nhưng đều không thông báo và bàn giao tài liệu có liên quan đến số tiền 295.113.050đ cho UBND xã H.H.

Tại kết luận điều tra số 24/PC03 ngày 24/12/2018 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa thống kê 17 hộ mua 21 lô đất bị thu tăng thêm với tổng số thiệt hại là 295.113.050đ nhưng lại kết luận 295.113.050đ là thiệt hại của 21 hộ là chưa chính xác vì có 04 hộ (Lê Thị Kh, Lê Hữu K, Bùi Thị T và Phạm Thị L)

Do đó, hành vi tự ý thu tăng thêm tiền sử dụng đất của Nguyễn Hữu T, Chủ tịch UBND xã H.H và Phạm Thị Th, kế toán NSX đã gây thiệt hại cho 17 hộ dân số tiền là **295.113.050đ**.

*Việc thu tăng thêm tiền sử dụng đất của các hộ dân được thực hiện như sau:*

Ngay sau khi có chủ trương quy hoạch đất ở dân cư ở khu vực chợ H4 năm 2010 (sau này là MBQH số 19), Nguyễn Hữu T đã chỉ đạo cho Vũ Bá B, kế toán NSX và Nguyễn Hữu D, thủ quỹ thu tiền đất cọc của 1 số hộ dân. T tháng 2/2010 đến tháng 5/2010, B và D đã tạm thu của 06 hộ = 727.400.000đ. Do tạm thu nên số tiền này T chỉ đạo cho D và B không hành tự vào sổ sách kế toán, cũng không nộp vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc mà giao cho D trực tiếp quản lý. Đến tháng 12/2010, Nguyễn Hữu T đã chỉ đạo Phạm Thị Th, kế toán UBND xã H.H lấy 260.000.000đ trong nguồn tiền đất tạm thu T Nguyễn Hữu D cho Lê Duy Tr, giám đốc Công ty TNHH A.T vay (Công ty A.T có trụ sở tại Thị trấn B.S - huyện Hoàng Hóa là đơn vị đang thi công 1 số công trình XDCB tại xã H.H). Tháng 2 năm 2011, D được bầu làm Phó Chủ tịch UBND xã nhưng do chưa có cán bộ làm thủ quỹ nên D chỉ bàn giao tài liệu, giấy tờ cho Phạm Thị Th. Tháng 3/2011, D đã bàn giao số tiền còn lại 467.400.000đ cho Nguyễn Đức H3, thủ quỹ mới nhưng không có biên bản hoặc ký nhận giữa các bên mà chỉ có sự chứng kiến của Phạm Thị Th.

T 17/4/2012 đến tháng 11/2012, thực hiện sự chỉ đạo của Nguyễn Hữu T về việc thu tăng tiền sử dụng đất so với đơn giá phê duyệt của UBND huyện Hoàng Hóa năm 2011, Phạm Thị Th đã sử dụng phiếu thu nội bộ (phiếu thu mua ngoài hiệu sách, viết thông tin bằng tay) lập 02 liên ghi số tiền nộp thực tế của các hộ dân sau đó đưa cho Nguyễn Đức H3, thủ quỹ và Nguyễn Hữu T, Chủ tịch ký vào phiếu. Phiếu thu nội bộ này, Thu giao cho người nộp tiền giữ 01 liên và Phạm Thị Th giữ 01 liên (BL1404, ). Đối với 1 số hộ đã tạm thu năm 2010, Thu yêu cầu nộp lại biên lai thu hoặc giấy biên nhận, sau đó viết cho họ phiếu thu nội bộ có số tiền đã nộp bằng tổng số tiền tạm thu và số tiền nộp mới. Tổng số tiền đất đã thu của 20 hộ = 1.908.530.000đ (đã thu năm 2010: 727.460.000đ, thu mới năm 2012 là 1.181.130.000đ); được chia thành 02 loại: loại thu đúng theo quy định có: 03 hộ = 03 lô = 205.020.000đ đ, loại thu tăng: 17 hộ = 1.703.510.000đ. Số tiền đã nộp vào ngân sách làm nghĩa vụ thuế cho 20 hộ = 1.613.416.950đ, trong đó: 03 hộ = 205.020.000đ (tiền sử dụng đất = 204.000.000đ, lệ phí trước bạ = 1.020.000đ); 17 hộ = 21 lô đất = 1.408.396.950đ (tiền sử dụng đất = 1.401.390.000đ, lệ phí trước bạ = 7.006.950đ). Do đó, số tiền

chênh lệch thu tăng 295.113.050đ (1.908.530.000đ - 1.613.416.950đ = 295.113.050đ) được xác định là tiền của 17 hộ mua 21 lô đất.

Để hợp lý hóa số tiền thu tăng thêm của 17 hộ, T chỉ đạo Th lập lại phiếu thu mới bằng số tiền phải thu theo đơn giá tại quyết định 3590/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND huyện và lệ phí trước bạ phải nộp để đưa vào quản lý, theo dõi và quyết toán trên sổ sách kế toán. Phạm Thị Th đã hủy phiếu thu nội bộ đã giao cho các hộ và lập lại 21 phiếu thu khác (tương đương với 21 hộ theo danh sách đã được duyệt) trên phần mềm máy tính theo mẫu quy định rồi in ra, Thu ký vào mục kế toán và người nộp tiền rồi đưa cho Nguyễn Đức H3 ký vào mục thủ quỹ và T ký vào mục thủ trưởng đơn vị. Khi đưa cho H3 ký vào Phiếu thu lập lại, Thu nói với H3 là T chỉ đạo lập lại phiếu thu cho đúng mẫu.

kết quả điều tra đối với 20 hộ dân tại xã H.H: Có 03 hộ mua 03 lô được thu đúng theo quyết định của UBND huyện Hoàng Hóa hiện không có mặt tại địa phương, còn lại 17 hộ dân mua 21 lô đều khai: Năm 2012, họ không được thông báo về giá đất phải thu theo quyết định của UBND huyện, không được thông báo về việc thu tăng tiền để hỗ trợ ngân sách địa phương. Ngoài việc ký vào phiếu thu khi nộp tiền, họ không ký vào phiếu thu hoặc giấy tờ nào khác có liên quan đến tiền đất. Đồng thời, họ đã tự nguyện giao nộp Phiếu thu tiền đất hiện đang quản lý cho CQĐT và đề nghị được trả lại tiền bị thu tăng. CQĐT cũng đã thu giữ 21 phiếu thu do Phạm Thị Th lập lại để theo dõi trên sổ sách tại UBND xã H.H.

Ngày 13/6/2018, CQĐT đã trưng cầu kỹ thuật hình sự Công an tỉnh giám định về chữ ký và con dấu trên 22 phiếu thu do các hộ dân giao nộp. Tại Bản kết luận giám định số số 1197/KLGD-PC54 ngày 05/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

*“Chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu T ở mục “Chủ tài khoản” và mục “Thủ trưởng đơn vị” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu T trên các tài liệu so sánh ở mục “Chủ tài khoản” và mục “Chủ tịch UBND xã” là do cùng một người ký ra.*

*Chữ ký đứng tên Phạm Thị Th ở mục “Phụ trách kế toán” và mục “kế toán trưởng” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Phạm Thị Th trên các tài liệu so sánh ở mục “Phụ trách kế toán” và ở mục “Người lập phiếu” là do cùng một người ký ra.*

*Hình dấu tròn màu đỏ, nội dung “UBND xã H.H H Hoàng Hóa T Thanh Hóa” trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ cùng nội dung trên các tài liệu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra”.*

Theo báo cáo của ông Lê Duy Tr, Giám đốc Công ty TNHH A.T: Năm 2010, Công ty TNHH A.T ký Hợp đồng xây dựng công trình chợ H4 với UBND xã H.H. Ngày 25/12/2010 ông Tr đã đề nghị và được Nguyễn Hữu T, Chủ tịch UBND xã H.H đồng ý cho vay 260.000.000đ. Trần Thị T, kế toán công ty đã viết giấy biên nhận và nhận số tiền vay 260.000.000đ T Phạm Thị Th, kế toán UBND xã H.H. Đây là khoản vay cá nhân nên Công ty A.T không

đưa vào theo dõi trên sổ sách kế toán về công nợ và cũng không chốt công nợ hàng năm với UBND xã H.H. Đến ngày 29/6/2017, ông Tr đã trả lại cho cô Th 260.000.000đ và giao nộp cho CQĐT 01 Giấy biên nhận số tiền 260.000.000đ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th khai nhận: Khi quy hoạch xây dựng MBQH số 19 năm 2010, T chỉ đạo Th vay 35.000.000đ để chi phí. Đến năm 2012, sau khi thu xong tiền đất của các hộ dân, được sự đồng ý của T, Th đã yêu cầu Nguyễn Đức H3, thủ quỹ đưa số tiền 35.113.050đ cho Th để Th trả nợ (việc giao nhận tiền giữa Th và H3 không có giấy tờ). Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên T và Th không nhớ đã chi 35.000.000 vào những nội dung gì và chi như thế nào.

Hiện nay, gia đình T và Th đã tự nguyện khắc phục nộp toàn bộ số tiền 295.113.050đ. Trong đó, có 259.795.600/260.000.000đ Th đã nhận T Công ty A.T nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý tại Kho bạc Nhà nước huyện Hoằng Hóa; gia đình Th và T nộp 35.318.000đ (Th 18.000.000đ, T 17.318.000đ) tại tài khoản chờ xử lý của CQĐT tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

\* Tại bản cáo trạng số 01/CT- VKS- KT ngày 08/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th về tội: "Lợi dụng, chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo điểm c khoản 2 Điều 356 BLHS 2015.

\* Tại phiên tòa:

+ Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các Luật sư đều không có ý kiến và khiếu nại gì về thủ tụng tố tụng trong quá trình điều tra và truy tố.

+ Các bị cáo Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th đều khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với các bị cáo về tội "Lợi dụng, chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như điều kiện hoàn cảnh của Tng bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58; Điều 54, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 36 tháng đến 42 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt giam 15/6/2018; Xử phạt bị cáo Phạm Thị Th từ 18 tháng đến 24 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Trách nhiệm Dân sự: Chấp nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ 295.113.050đ, hiện đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho các bị hại.

Tang vật: Trả lại các chứng từ nộp tiền đất (bản gốc) mà các hộ đã giao nộp theo đề nghị của họ (vì các phiếu thu này đã được giám định trong giai đoạn điều tra) để các hộ dân có căn cứ làm thủ tục hồ sơ cấp đất theo quy định.

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại 295.113.050đ. Nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Phạm tội nhưng để nhằm mục đích sử dụng vào việc chung của địa phương các bị cáo không sử dụng vào mục đích cá nhân.

Bị cáo Nguyễn Hữu T có bố đẻ có thời gian phục vụ trong quân đội, bị tH3 hiện đang hưởng trợ cấp thương tật. Bản thân bị cáo T có thời gian phục vụ trong quân đội từ 1985 đến 1988 về địa phương sinh sống và công tác, có nhiều cống hiến cho địa phương được Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa tặng nhiều giấy khen.

Bị cáo Phạm Thị Th có bố đẻ là ông Phạm Ngọc H được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Hiện nay bị cáo đang mắc bệnh hạn chế về năng lực hành vi nên phải có người đại diện, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, vai trò của bị cáo thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch xã nên dẫn đến phạm tội.

Các bị hại có đơn và tại phiên tòa đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T mức án thấp dưới khung hình phạt và xử bị cáo Phạm Thị Th mức án thấp cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện Cha bệnh.

+ Các Bị hại đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

+ Lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng lượng khoan Hng của pháp luật, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có khiếu nại về hành vi, về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra, đủ căn cứ và cơ sở để kết luận:

Ngày 29/11/2011 Ủy Ban nhân dân huyện Hoằng Hóa có Quyết định số 3590/QĐ-UBND về phê duyệt giá sàn thu tiền sử dụng đất tại xã H.H. Nguyễn

Hữu T là Chủ tịch UBND xã H.H và Phạm Thị Th là kế toán ngân sách xã với động cơ tăng thu cho ngân sách xã để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa phương nên đã có hành vi tự ý thu tăng tiền sử dụng đất từ 100.000đ đến 300.000đ/m<sup>2</sup> so với đơn giá quy định, gây thiệt hại cho 17 hộ dân số tiền 295.113.050đ. Số tiền thu tăng Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th bỏ ngoài sổ sách quyết toán năm 2012, không báo cáo HĐND xã H.H mà cho Công ty TNHH A.T là đơn vị thi công 1 số công trình xây dựng tại xã H.H vay 260.000.000đ và chi phí xây dựng quy hoạch mặt bằng 35.113.050đ.

Mặc dù hành vi phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" của các bị cáo Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th thực hiện vào năm 2012. Nhưng căn cứ vào khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo. Xét thấy khoản 1 Điều 356 BLHS năm 2015 có lợi hơn khoản 1 Điều 281 BLHS năm 1999, vì vậy các bị cáo bị truy tố và xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, bởi lẽ Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th là những người có chức vụ quyền hạn ở địa phương nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thực thi nhiệm vụ của chính quyền, tự ý thu tăng tiền sử dụng đất mà nhà nước quy định đối với các hộ dân nhằm mục đích đầu tư cho một số hoạt động xây dựng tại địa phương. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến các hoạt động đúng đắn trong quản lý nhà nước, gây dư luận xấu và hoài nghi cho nhân dân đối với các cơ quan nhà nước và đã gây thiệt hại về tài sản cho 17 hộ dân. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết, làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong vụ án này, Nguyễn Hữu T là người đứng đầu đơn vị, là người khởi xướng chỉ đạo việc thu tăng thêm tiền sử dụng đất của các hộ dân, quyết định việc sử dụng số tiền thu thêm, chỉ đạo Phạm Thị Th lập lại các phiếu thu để theo dõi và quyết toán trên sổ sách. Do đó, Nguyễn Hữu T giữ vai trò chính trong vụ án, Phạm Thị Th là người trực tiếp thực hiện việc thu tăng và lập lại phiếu thu đưa vào theo dõi trên sổ sách và quyết toán theo sự chỉ đạo của Nguyễn Hữu T nên giữ vai trò sau bị cáo T là phù hợp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội, tự nguyện khắc phục nộp toàn bộ số tiền 295.113.050đ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để trả lại cho người bị hại. Nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, vì mục đích tập thể mà dẫn đến phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Hữu T có bồ đề là ông Nguyễn Hữu D có thời gian phục vụ trong quân đội, bị thương hiện đang hưởng trợ cấp thương tật T 09/11/2003 theo Quyết định số 372/LĐTBXH của Sở LĐTB-XH tỉnh Thanh Hóa. Bản thân

bị cáo T có thời gian phục vụ trong quân đội từ 1985 đến 1988 xuất ngũ về địa phương sinh sống và công tác đã có nhiều thành tích xây dựng quê hương nên được Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa tặng nhiều giấy khen.

Bị cáo Phạm Thị Th có bố đẻ là ông Phạm Ngọc H được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Hiện nay (sau khi phạm tội) bị cáo đang mắc bệnh tâm thần hạn chế về năng lực hành vi nên phải có người đại diện, điều kiện sức khỏe giảm sút nghiêm trọng.

Các bị hại đều có đơn và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Do đó các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 BLHS.

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, tính chất mức độ hành vi phạm tội, mục đích phạm tội, điều kiện hoàn cảnh gia đình và nhân thân của các bị cáo nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt, xử mức án dưới khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo phạm tội trong việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của nhà nước nên bị phạt bổ sung theo Khoản 4 Điều 356 BLHS: Cấm đảm nhiệm các chức vụ có liên quan trong thời hạn 3 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

#### **[5] Trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các gia đình bị hại các khoản tiền đã thu vượt quy định của Nhà nước, cụ thể:

1. - Bà Lê Thị Kh (nộp tiền mua đất của hộ bà Trường Thị T) mua lô số 01, diện tích  $90m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 99.000.000đ + 495.000đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 99.495.000đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $117.000.000đ$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà Kh số tiền  $17.505.000đ$ .

- Bà Lê Thị Kh (nộp tiền mua đất của hộ ông Phạm Tiến H) mua lô số 32, diện tích  $50,2m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 55.220.000đ + 276.100đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 55.496.100đ$ , nhưng Phạm Thị Th thu  $60.240.000đ$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà Kh số tiền  $4.743.900đ$ .

Tổng số tiền bà Lê Thị Kh bị thiệt hại khi mua 02 lô đất là:  $22.248.900đ$

2. Bà Lê Thị Th (nộp tiền mua đất của hộ bà Bùi Thị Đ) mua lô số 02, diện tích  $90m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 99.000.000đ + 495.000đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 99.495.000đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $117.000.000đ$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà Th số tiền  $17.505.000đ$ .

3. Hộ bà Lương Thị Nh mua lô số 27, diện tích  $56\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 61.600.000\text{đ} + 308.000\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 61.908.000\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $67.200.000\text{đ}$ . Từ đó đã gây thiệt hại cho hộ bà Nh số tiền  $5.292.000\text{đ}$ .

4. Ông Hồ Hữu T mua lô 28, diện tích  $52\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 57.200.000\text{đ} + 286.000\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 57.486.000\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $62.400.000\text{đ}$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông T số tiền  $4.914.000\text{đ}$  (Hiện nay ông T đã chết).

5. - Ông Hồ Hữu K (nộp tiền mua đất của hộ bà Lê Thị Nguyễn) mua lô số 29, diện tích  $66,2\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 72.820.000\text{đ} + 364.100\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 73.184.100\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $79.440.000\text{đ}$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông K số tiền  $6.255.900\text{đ}$ .

- Hộ ông Hồ Hữu K mua lô số 30, diện tích  $73,4\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 88.740.000\text{đ} + 403.700\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 81.143.700\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $88.080.000\text{đ}$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông K số tiền  $6.936.300\text{đ}$ .

Tổng số tiền ông Nguyễn Hữu K bị thiệt hại khi mua 02 lô đất là:  $13.192.200\text{đ}$

6. Hộ ông Nguyễn Văn S mua lô số 31, diện tích  $46\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 50.600.000\text{đ} + 253.000\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 50.853.000\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $55.200.000\text{đ}$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông S số tiền  $4.347.000\text{đ}$ .

7. Ông Lê Phạm H2 (nộp tiền mua đất của hộ ông Lê Phạm T) mua lô số 33, diện tích  $48\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 52.800.000\text{đ} + 246.000\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 53.064.000\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $57.600.000\text{đ}$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông H2 số tiền  $4.536.000\text{đ}$ .

8. Hộ ông Lê Văn V mua lô 34, diện tích  $50\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 55.000.000\text{đ} + 275.000\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 55.275.000\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $60.000.000\text{đ}$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông V số tiền  $4.725.000\text{đ}$ .

9. Bà Bùi Thị T (nộp tiền mua đất của hộ bà Vũ Thị Vinh) mua lô 35, diện tích  $52\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 57.200.000\text{đ} + 286.000\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 57.486.000\text{đ}$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu  $62.400.000\text{đ}$ . Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà T số tiền  $4.914.000\text{đ}$ .

Bà Bùi Thị T (nộp tiền mua đất của hộ bà Lê Thị Huân) mua lô 36, diện tích  $54\text{m}^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 59.400.000\text{đ} + 297.000\text{đ}$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 59.697.000\text{đ}$ , nhưng Phạm

Thị Th đã thu 64.800.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà T số tiền 5.103.000đ.

Tổng số bà Bùi Thị T bị tiền thiệt hại khi mua 02 lô đất là: 10.017.000đ

10. Hộ ông Lê Văn K mua lô 37, diện tích  $55,5m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 61.050.000đ + 305.250đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 61.355.250đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu 66.600.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông K số tiền 5.244.750đ.

11. Hộ: Lê Thị D mua lô 39, diện tích  $59m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 64.900.000đ + 324.500đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 65.224.500đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu 70.800.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà D số tiền 5.575.500đ.

12. Ông Lê Văn H1 (nộp tiền mua đất của hộ bà Trương Thị N) mua lô 38, diện tích  $56m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 61.600.000đ + 308.000đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 61.908.000đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu 78.400.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông H1 số tiền 16.492.000đ.

13. - Hộ bà Phạm Thị L mua lô 40, diện tích  $65m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 71.500.000đ + 357.500đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 71.857.500đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu 97.500.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà L số tiền 25.642.500đ.

- Bà Phạm thị L mua lô 41, diện tích  $75m^2$  có nhờ bà Phạm Thị V đứng tên và sau đó bán lại cho bà Vũ Thị V (*lời khai của bà V ngày 12/4/2018 tại bút lục 1071*), theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 82.500.000đ + 412.500đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 82.912.500đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu 105.600.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà L số tiền 22.687.500đ.

Tổng cộng bà Phạm Thị L bị thiệt hại khi mua 02 lô đất (40 và 41) là 48.330.000đ

14. Bà Vũ Thị Q (nộp tiền mua đất của hộ Lê Thị Nga) mua lô 42, diện tích  $73m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.100.000đ/m^2 = 80.300.000đ + 401.500đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 80.701.500đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu 102.200.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà Q số tiền 21.498.500đ.

15. Bà Nguyễn Thị C (nộp tiền mua đất của hộ bà Lê Thị Tới) mua lô 6, diện tích  $73,7m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.000.000đ/m^2$  (hệ số 0,8)  $= 58.960.000đ + 295.000đ$  tiền lệ phí trước bạ  $0,5\% = 59.255.000đ$ , nhưng Phạm Thị Th đã thu 80.000.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà C số tiền 20.745.000đ.

16. Hộ ông Lê Văn Ch (nộp tiền mua đất của hộ Nguyễn Văn C) mua lô số 7, diện tích  $71m^2$  theo đơn giá của UBND huyện Hoằng Hóa là  $1.000.000đ/m^2$

(hệ số 0,8) = 56.800.000đ + 284.000đ tiền lệ phí trước bạ 0,5% = 57.084.000đ, nhưng Phạm Thị Th đã thu 99.897.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ ông Ch số tiền 42.813.000đ.

17. Bà Nguyễn Thị Th (nộp tiền mua đất của hộ ông Nguyễn Xuân H) mua lô số 8, diện tích 79m<sup>2</sup> theo đơn giá của UBND huyện Hoàng Hóa là 1.000.000đ/m<sup>2</sup> (hệ số 0,8) = 63.200.000đ + 316.000đ tiền lệ phí trước bạ 0,5% = 63.516.000đ, nhưng Phạm Thị Th đã thu 111.153.000đ. Từ đó, đã gây thiệt hại cho hộ bà Th số tiền 47.637.000đ.

Chấp nhận các bị cáo đã khắc phục nộp đủ số tiền 295.113.050 đồng.

- Số tiền 259.795.600đ do Thanh tra huyện Hoàng Hóa, huyện Hoàng Hóa thu và chuyển về Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Giấy ủy nhiệm chi số 26777-01 ngày 09/01/2019 của Kho bạc Nhà nước huyện Hoàng Hóa.

- Số tiền 35.318.000đ do Công an tỉnh Thanh Hóa thu và chuyển về Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Giấy ủy nhiệm chi số 59 ngày 09/01/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Các bị hại được nhận lại số tiền bồi thường tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

[6] Tang vật: Các phiếu thu tiền (bản gốc) do các hộ dân nộp cho cơ quan điều tra phục vụ điều tra và giám định hiện đang lưu trong H sơ vụ án theo quy định. Xét thấy đây là những hóa đơn, chứng từ gốc của các hộ dân để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nhà nước và lưu giữ trong hồ sơ mua đất lâu dài nên cần trả lại cho các hộ dân đã nộp. Các phiếu thu này sau khi trả lại thì được lập biên bản trả lại và phô tô để lưu vào hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 47 BLHS. Cụ thể trả lại các phiếu thu (bản gốc), gồm:

1. Phiếu thu ngày 20/4/2012 mang tên Lê Thị Ng nộp 79.440.000đ (BL144) và phiếu thu ngày 20/4/2012 mang tên Hồ Hữu K, số tiền nộp 88.080.000đ (BL 145) do ông Hồ Hữu K giao ngày 22/5/2018.

2. Phiếu thu ngày 23/4/2012 mang tên Lê Thị Th nộp 99.00.000đ (BL147) và phiếu thu ngày 23/4/2012 mang tên Lê Thị Th, số tiền nộp 18.000.000đ (BL148) do bà Lê Thị Th giao ngày 22/5/2018.

3. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Trương Thị T nộp 99.000.000đ (BL150) và phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Trương Thị T, số tiền nộp 18.000.000đ (BL 151) do ông Hoàng Mạnh C giao ngày 22/5/2018.

4. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn H nộp 78.400.000đ (BL153) do ông Lê Văn H giao ngày 22/5/2018.

5. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn V nộp 60.000.000đ (BL155) do ông Lê Văn V giao ngày 09/5/2018.

6. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Nguyễn Hữu L nộp 70.800.000đ (BL157) do ông Nguyễn Hữu L giao ngày 08/5/2018.

7. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn K nộp 66.600.000đ (BL159) do ông Lê Văn K giao ngày 28/5/2018.

8. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn Kh nộp 64.800.000đ (BL161) và Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn Kh nộp 62.400.000đ (BL162) do bà Bùi Thị T giao ngày 29/5/2018.

9. Phiếu thu ngày 25/4/2012 mang tên Phạm Thị L nộp 46.500.000đ (BL164) do bà Phạm Thị L giao ngày 09/5/2018.

10. Phiếu thu ngày 26/4/2012 mang tên Vũ Thị V nộp 3.600.000đ (BL166) do bà Vũ Thị V giao ngày 09/5/2018.

11. Phiếu thu ngày 02/5/2012 mang tên Lê Phạm H2 nộp 9.600.000đ (BL168) và Phiếu thu ngày 28/4/2012 mang tên Lê Phạm H2 nộp 48.000.000đ (BL169) do bà Lê Thị Ph giao ngày 22/5/2018.

12. Phiếu thu ngày 28/5/2012 mang tên Nguyễn Thị Th nộp 110.600.000đ (BL171) và Phiếu thu ngày 28/5/2012 mang tên Nguyễn Thị Th nộp 553.000đ (BL172) do bà Nguyễn Thị Th giao ngày 09/5/2018.

13. Phiếu thu ngày 28/5/2012 mang tên Nguyễn Thị C nộp 80.000.000đ (BL174) do bà Nguyễn Thị C giao ngày 09/5/2018.

14. Phiếu thu ngày 05/11/2012 mang tên Vũ Thị Q nộp 102.200.000đ (BL176) do ông Lê Văn D giao ngày 08/5/2018.

15. Phiếu thu ngày 06/02/2010 mang tên Lê Hồng Th nộp 56.000.000đ (BL178) và Phiếu thu ngày 18/4/2012 mang tên Lường Thị Nh nộp 11.200.000đ (BL179) do ông Lê Hồng Thanh giao ngày 22/5/2018.

[7] Án phí: Do các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục nên không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1]. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th phạm tội: "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

**[2]. Áp dụng:** Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 584, 585; 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **[3]. Xử phạt:**

1. Bị cáo Nguyễn Hữu T: **30** (B mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam **15/6/2018**.

2. Bị cáo Phạm Thị Th: **15** (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính tính ngày bắt giam thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th đảm nhiệm các chức vụ có liên quan trong thời hạn 3 (Ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

**[4]. Trách nhiệm dân sự:**

+ Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền sau:

1. Bà Lê Thị Kh, số tiền: **22.248.900đ** (Hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm trăm đồng).

2. Bà Lê Thị Th, số tiền: **17.505.000đ** (Mười bảy triệu, năm trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn).

3. Bà Lương Thị Nh, số tiền: **5.292.000đ** (Năm triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).

4. Anh Hồ Hữu S, số tiền: **4.914.000đ** (Bốn triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng chẵn).

5. Ông Hồ Hữu K, số tiền: **13.192.200đ** (Mười B triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm đồng).

6. Ông Nguyễn Văn S, số tiền: **4.347.000đ** (Bốn triệu, B trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn).

7. Ông Lê Phạm H, số tiền: **4.536.000đ** (Bốn triệu, năm trăm B mươi sáu nghìn đồng chẵn).

8. Ông Lê Văn V, số tiền: **4.725.000đ** (Bốn triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

9. Bà Bùi Thị T, số tiền: **10.017.000đ** (Mười triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng chẵn).

10. Ông Lê Văn K, số tiền: **5.244.750đ** (Năm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

11. Bà Lê Thị D, số tiền: **5.575.500đ** Năm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

12. Ông Lê Văn H, số tiền: **16.492.000đ** (Mười sáu triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).

13. Bà Phạm Thị L, số tiền: **48.330.00đ** (Bốn mươi tám triệu, B trăm B mươi nghìn đồng chẵn).

14. Bà Vũ Thị Q, số tiền: **21.498.500đ** ( hai mươi một triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng)

15. Bà Nguyễn Thị C, số tiền: **20.745.000đ** (Hai mươi triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn)

16. Ông Lê Văn Ch, số tiền: **42.813.000đ** (Bốn mươi hai triệu, tám trăm mười B nghìn đồng chẵn).

17. Bà Nguyễn Thị Th, số tiền: **47.637.000đ** (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm B mươi bảy nghìn đồng chẵn).

+ Chấp nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường **295.113.050đ** (Hai trăm chín mươi lăm triệu, một trăm mười B nghìn, không trăm năm mươi đồng), cụ thể;

- Số tiền 259.795.600đ do Thanh tra huyện Hoàng Hóa, huyện Hoàng Hóa thu và chuyển về Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Giấy ủy nhiệm chi số 26777-01 ngày 09/01/2019 của Kho bạc Nhà nước huyện Hoàng Hóa.

- Số tiền 35.318.000đ do Công an tỉnh Thanh Hóa thu và chuyển về Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Giấy ủy nhiệm chi số 59 ngày 09/01/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

**[5]. Vật chứng:** Trả lại các phiếu thu tiền (bản gốc) cho người giao, gồm:

1. Phiếu thu ngày 20/4/2012 mang tên Lê Thị Ng nộp 79.440.000đ (BL144) và phiếu thu ngày 20/4/2012 mang tên H Hữu K, số tiền nộp 88.080.000đ (BL 145) do ông Hồ Hữu K giao ngày 22/5/2018.

2. Phiếu thu ngày 23/4/2012 mang tên Lê Thị Th nộp 99.00.000đ (BL147) và phiếu thu ngày 23/4/2012 mang tên Lê Thị Th, số tiền nộp 18.000.000đ (BL148) do bà Lê Thị Th giao ngày 22/5/2018.

3. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Trương Thị T nộp 99.000.000đ (BL150) và phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Trương Thị T, số tiền nộp 18.000.000đ (BL 151) do ông Hoàng Mạnh C giao ngày 22/5/2018.

4. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn H nộp 78.400.000đ (BL153) do ông Lê Văn Huê giao ngày 22/5/2018.

5. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn V nộp 60.000.000đ (BL155) do ông Lê Văn V giao ngày 09/5/2018.

6. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Nguyễn Hữu L nộp 70.800.000đ (BL157) do ông Nguyễn Hữu L giao ngày 08/5/2018.

7. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn K nộp 66.600.000đ (BL159) do ông Lê Văn K giao ngày 28/5/2018.

8. Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn Kh nộp 64.800.000đ (BL161) và Phiếu thu ngày 24/4/2012 mang tên Lê Văn Kh nộp 62.400.000đ (BL162) do bà Bùi Thị T giao ngày 29/5/2018.

9. Phiếu thu ngày 25/4/2012 mang tên Phạm Thị L nộp 46.500.000đ (BL164) do bà Phạm Thị L giao ngày 09/5/2018.

10. Phiếu thu ngày 26/4/2012 mang tên Vũ Thị V nộp 3.600.000đ (BL166) do bà Vũ Thị V giao ngày 09/5/2018.

11. Phiếu thu ngày 02/5/2012 mang tên Lê Phạm H2 (Ph) nộp 9.600.000đ (BL168) và Phiếu thu ngày 28/4/2012 mang tên Lê Phạm H2 (Ph) nộp 48.000.000đ (BL169) do bà Lê Thị Ph giao ngày 22/5/2018.

12. Phiếu thu ngày 28/5/2012 mang tên Nguyễn Thị Th nộp 110.600.000đ (BL171) và Phiếu thu ngày 28/5/2012 mang tên Nguyễn Thị Th nộp 553.000đ (BL172) do bà Nguyễn Thị Th giao ngày 09/5/2018.

13. Phiếu thu ngày 28/5/2012 mang tên Nguyễn Thị C nộp 80.000.000đ (BL174) do bà Nguyễn Thị C giao ngày 09/5/2018.

14. Phiếu thu ngày 05/11/2012 mang tên Vũ Thị Q nộp 102.200.000đ (BL176) do ông Lê Văn D giao ngày 08/5/2018.

15. Phiếu thu ngày 06/02/2010 mang tên Lê H3 Thanh nộp 56.000.000đ (BL178) và Phiếu thu ngày 18/4/2012 mang tên Lường Thị Nh nộp 11.200.000đ (BL179) do ông Lê H3 Thanh giao ngày 22/5/2018.

**[6]. Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Hữu T và Phạm Thị Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**[7]. Quyền kháng cáo:** Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (ông Hồ Hữu S, Lê Văn Ch, Lê Văn V, bà Lê Thị D) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án vắng mặt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an tỉnh Thanh Hoá
- THA HS, DS tỉnh Thanh Hoá;
- Bị cáo, Luật sư;Người bị hại;
- Lưu H.sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Huy Hùng**